



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2015



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0200453688

ngày 2 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 2 tháng 7 năm 2015.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên (từ ngày 23/3/2015)
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (từ ngày 23/3/2015)
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên (từ ngày 23/3/2015)
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên (từ ngày 23/3/2015)
Ông Lương Hoài Trân	Thành viên (đến ngày 22/3/2015)
Ông Chada Gurudas Rajiv	Thành viên (đến ngày 22/3/2015)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính (từ ngày 25/3/2015)
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật (từ ngày 25/3/2015)
	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 24/3/2015)
Ông Hoàng Trọng Giang	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 24/3/2015)
Ông Lương Hoài Trân	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 24/3/2015)

**Trụ sở đăng ký**

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định pháp lý có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc  
  
Nguyễn Văn Tiên  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 8 năm 2015

**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,  
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600  
Fax +84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-118-a



---

**Đàm Xuân Lâm**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

---

**Nguyễn Tâm Anh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0651-2013-007-1

**Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2015**



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>593.981.285.858</b>	<b>481.574.813.675</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>225.779.850.697</b>	<b>128.764.748.165</b>
Tiền	111		23.765.220.697	15.027.118.165
Các khoản tương đương tiền	112		202.014.630.000	113.737.630.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>47.577.500.000</b>	<b>47.685.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	47.577.500.000	47.685.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>305.453.625.916</b>	<b>288.539.707.535</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	50.853.331.266	53.627.578.127
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.934.728.858	1.359.188.649
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	251.983.894.313	233.871.269.280
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(318.328.521)	(318.328.521)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>7.820.011.921</b>	<b>5.895.910.818</b>
Hàng tồn kho	141		7.820.011.921	5.895.910.818
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.350.297.324</b>	<b>10.689.447.157</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(a)	7.323.438.468	9.800.402.456
Tài sản ngắn hạn khác	155		26.858.856	889.044.701

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>733.517.415.232</b>	<b>718.262.513.765</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50.000.000.000</b>	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	50.000.000.000	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>140.117.281.719</b>	<b>170.974.894.588</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	134.746.976.674	165.595.422.875
<i>Nguyên giá</i>	222		390.526.315.405	417.421.824.068
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(255.779.338.731)	(251.826.401.193)
Tài sản cố định vô hình	227	12	5.370.305.045	5.379.471.713
<i>Nguyên giá</i>	228		6.321.095.603	6.321.095.603
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(950.790.558)	(941.623.890)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.642.438.424</b>	<b>5.642.438.424</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.642.438.424	5.642.438.424
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>517.875.000.000</b>	<b>517.875.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		434.700.000.000	434.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		82.710.000.000	82.710.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		465.000.000	465.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.882.695.089</b>	<b>23.770.180.753</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	19.882.695.089	23.770.180.753
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.327.498.701.090</b>	<b>1.199.837.327.440</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>213.849.314.239</b>	<b>202.922.677.094</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>204.544.154.239</b>	<b>193.739.197.094</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	45.669.025.263	48.570.385.728
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.010.633.904	583.326.441
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	17.111.905.052	18.750.213.021
Phải trả người lao động	314		13.705.370.998	14.675.466.942
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	6.981.004.161	3.253.858.719
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	77.555.788.438	72.642.241.549
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	42.510.426.423	35.263.704.694
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.305.160.000</b>	<b>9.183.480.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		45.000.000	122.600.000
Vay dài hạn	338	20	9.260.160.000	9.060.880.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.113.649.386.851</b>	<b>996.914.650.346</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.113.649.386.851</b>	<b>996.914.650.346</b>
Vốn cổ phần	411	22	414.160.420.000	345.415.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		414.160.420.000	345.415.410.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	37.231.904.775	37.231.904.775
Cổ phiếu quỹ	415	22	(10.396.631.245)	(10.396.631.245)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	536.821.553.283	434.598.341.042
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	135.832.140.038	190.065.625.774
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.123.058.783)	(31.375.589.609)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		152.955.198.821	221.441.215.383
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.327.498.701.090</b>	<b>1.199.837.327.440</b>

Ngày 20 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Thế Trung  
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>326.144.249.201</b>	<b>324.436.756.337</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>193.497.443.842</b>	<b>221.691.288.794</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>132.646.805.359</b>	<b>102.745.467.543</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	56.831.945.491	39.586.376.082
Chi phí tài chính	22	29	502.176.936	(638.569.166)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		107.819.265	108.697.221
Chi phí bán hàng	25		-	126.223.815
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.055.421.706	5.619.954.588
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>181.921.152.208</b>	<b>137.224.234.388</b>
Thu nhập khác	31		91.015.161	390.709.697
Chi phí khác	32	30	2.228.008.495	51.390.537
<b>(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(2.136.993.334)</b>	<b>339.319.160</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>179.784.158.874</b>	<b>137.563.553.548</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>26.828.960.053</b>	<b>21.220.061.781</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>152.955.198.821</b>	<b>116.343.491.767</b>

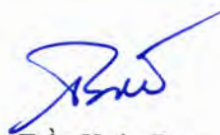
Ngày 20 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Thế Trung  
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>179.784.158.874</b>	<b>137.563.553.548</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	14.957.058.920	18.806.215.194
Các khoản dự phòng	03	-	(750.000.000)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	77.747.733	(25.314.522)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(54.291.223.277)	(39.632.693.393)
Chi phí lãi vay	06	107.819.265	108.697.221
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>140.635.561.515</b>	<b>116.070.458.048</b>
Biến động các khoản phải thu	09	32.873.707.715	5.786.115.750
Biến động hàng tồn kho	10	(1.924.101.103)	(956.413.456)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	4.334.116.480	6.272.056.576
Biến động chi phí trả trước	12	3.887.485.664	671.335.640
		<b>179.806.770.271</b>	<b>127.843.552.558</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(184.333.482)	(94.930.760)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.449.697.661)	(25.587.579.304)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.339.149.833	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.535.270.087)	(11.395.816.617)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>143.976.618.874</b>	<b>90.765.225.877</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	13.672.545.454	200.000.000
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(49.892.500.000)	(36.000.000.000)
Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	22.218.330.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	6.731.605.676	6.468.970.984
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(29.488.348.870)</b>	<b>(7.112.699.016)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả cổ tức	36	(17.473.435.325)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(17.473.435.325)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>97.014.834.679</b>	<b>83.652.526.861</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b> <b>(Thuyết minh 5)</b>	<b>60</b>	<b>128.764.748.165</b>	<b>214.881.468.665</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>267.853</b>	<b>25.314.522</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>225.779.850.697</b>	<b>298.559.310.048</b>

Ngày 20 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Thế Trung  
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Các hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính**

- Theo Quyết định số 01-15/QĐ-TSCĐ của Tổng Giám đốc Công ty ban hành ngày 3 tháng 1 năm 2015 và Quyết định số 72/QĐ-TL ban hành ngày 1 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thực hiện thanh lý các sà lan và một số rơ-moóc có giá trị còn lại là 15.901 triệu VND (Thuyết minh 11). Khoản lỗ từ hoạt động thanh lý và chi phí thanh lý trị giá 2.228 triệu VND được phản ánh trong khoản mục Chi phí khác (Thuyết minh 30).
- Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty ghi nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác nhận vốn góp từ Công ty với tổng giá trị 52.488 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 33.431 triệu VND) (Thuyết minh 28).



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 7 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2015: 7 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b). Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty còn nắm giữ quyền biểu quyết gián tiếp tại 1 công ty liên kết thông qua một công ty con của Công ty (1/1/2015: 1 công ty liên kết).

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Văn phòng Công ty Cổ phần Container Việt Nam, Xí nghiệp Cảng Viconship và hai chi nhánh là Chi nhánh Quảng Ninh và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 376 nhân viên (1/1/2015: 353 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập theo phương pháp trực tiếp. Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, số liệu so sánh của giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a)).

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 7 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 23 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 12 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) *Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)***

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	52.266.258	1.050.007.759
Tiền gửi ngân hàng	23.712.954.439	13.977.110.406
Các khoản tương đương tiền	202.014.630.000	113.737.630.000
	225.779.850.697	128.764.748.165

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		<b>Đã phân loại lại</b>
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	47.577.500.000	47.685.000.000

Giá trị hợp lý các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	30/6/2015 và 1/1/2015		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
			% sở hữu	% quyền biểu quyết			
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
▪ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Hải Phòng		100%	100%	15.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Container Miền Trung	Đà Nẵng		100%	100%	6.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh		100%	100%	6.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Tuyền T.S	Thành phố Hồ Chí Minh		100%	100%	200.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	Hải Phòng		100%	100%	90.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	Hải Phòng		100%	100%	25.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	Hải Phòng	29.250.000	65%	65%	292.500.000.000	-	(*)
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	111.000	37%	37%	12.210.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	7.050.000	17,6%	22%	70.500.000.000	-	(*)
<b>Đơn vị khác</b>							
▪ Công ty TNHH MSC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh		15%	15%	465.000.000	-	(*)
					517.875.000.000	-	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng chi tiết theo người mua có số dư lớn</b>		
Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	6.521.510.471	5.529.224.080
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đại lý Hàng hải Hải Phòng	6.274.217.081	5.085.099.380
Công ty Liên doanh Đại lý vận tải EVERGREEN Việt Nam	9.444.424.600	10.273.389.388
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	5.681.534.239	8.283.674.547
Công ty TNHH MTV Vận tải đường biển Prince Việt Nam	3.331.171.373	8.560.602.907
Các khách hàng khác	19.600.473.502	15.895.587.825
	<hr/>	<hr/>
	50.853.331.266	53.627.578.127
	<hr/>	<hr/>

**8. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác từ các bên liên quan	249.318.623.795	232.530.505.301
Phải thu khác	2.665.270.518	1.340.763.979
	<hr/>	<hr/>
	251.983.894.313	233.871.269.280
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu khác từ các bên liên quan**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	176.122.860.689	173.973.135.549
Công ty TNHH Container Miền Trung	24.892.104.280	22.882.827.638
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	23.802.862.511	24.901.116.965
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	24.260.884.528	10.654.964.447
Công ty TNHH Tuyến T.S	239.911.787	118.460.702
	<hr/>	<hr/>
	249.318.623.795	232.530.505.301
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>		
Cho vay - Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	50.000.000.000	-

Khoản cho vay này không có đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng và đáo hạn trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

**10. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	7.035.919.932	-	5.229.076.665	-
Công cụ và dụng cụ	1.225.019	-	2.533.383	-
Hàng hóa	782.866.970	-	664.300.770	-
	<b>7.820.011.921</b>	<b>-</b>	<b>5.895.910.818</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	149.292.361.216	1.497.492.429	6.420.496.972	260.211.473.451	417.421.824.068
Thanh lý	-	-	-	(26.895.508.663)	(26.895.508.663)
Số dư cuối kỳ	149.292.361.216	1.497.492.429	6.420.496.972	233.315.964.788	390.526.315.405
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	94.508.087.512	1.277.824.963	4.029.228.611	152.011.260.107	251.826.401.193
Khấu hao trong kỳ	6.857.021.072	61.875.937	331.630.719	7.697.364.524	14.947.892.252
Thanh lý	-	-	-	(10.994.954.714)	(10.994.954.714)
Số dư cuối kỳ	101.365.108.584	1.339.700.900	4.360.859.330	148.713.669.917	255.779.338.731
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	54.784.273.704	219.667.466	2.391.268.361	108.200.213.344	165.595.422.875
Số dư cuối kỳ	47.927.252.632	157.791.529	2.059.637.642	84.602.294.871	134.746.976.674

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 122.564 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 103.476 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 44.369 triệu VND (1/1/2015: 47.464 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	5.355.027.273	966.068.330	6.321.095.603
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	941.623.890	941.623.890
Khấu hao trong kỳ	-	9.166.668	9.166.668
Số dư cuối kỳ	-	950.790.558	950.790.558
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	5.355.027.273	24.444.440	5.379.471.713
Số dư cuối kỳ	5.355.027.273	15.277.772	5.370.305.045

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Phần mềm quản lý hoạt động cảng	5.642.438.424	5.642.438.424

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>
Số dư đầu kỳ	23.770.180.753
Tăng trong kỳ	9.949.066.114
Phân bổ trong kỳ	(13.836.551.778)
Số dư cuối kỳ	19.882.695.089

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	11.721.511.888	17.655.493.357
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	9.955.556.520	9.868.373.231
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	6.665.989.996	5.136.934.810
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	4.562.984.600	2.842.798.750
Các nhà cung cấp khác	12.762.982.259	13.066.785.580
	45.669.025.263	48.570.385.728

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	6.665.989.996	5.136.934.810
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	3.323.944.800	3.393.405.850
Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	869.158.076	1.071.252.081
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	11.721.511.888	17.655.493.357
	22.580.604.760	27.257.086.098

Phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	9.800.402.456	-	(2.476.963.988)	7.323.438.468

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ đã được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	335.076.292	3.347.808.173	(3.410.355.976)	272.528.489
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.294.424.217	26.828.960.053	(28.449.697.661)	12.673.686.609
Thuế thu nhập cá nhân	936.895.758	1.132.260.002	(1.972.289.099)	96.866.661
Các loại thuế khác	3.183.816.754	21.407.202.594	(20.522.196.055)	4.068.823.293
	18.750.213.021	52.716.230.822	(54.354.538.791)	17.111.905.052

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	-	76.514.217
Các khoản trích trước khác	6.981.004.161	3.177.344.502
	6.981.004.161	3.253.858.719

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	3.950.554.387	3.951.113.873
Các khoản thu hộ hãng tàu	65.509.073.180	49.611.508.287
Cổ tức phải trả	570.294.975	856.259.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.525.865.896	18.223.359.589
	<hr/>	<hr/>
	77.555.788.438	72.642.241.549
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả khác cho các bên liên quan**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	6.248.297.363	16.361.420.258
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	35.263.704.694	34.543.336.309
Trích lập trong kỳ	17.781.991.816	16.514.637.509
Sử dụng trong kỳ	(10.535.270.087)	(7.792.596.517)
Số dư cuối kỳ	42.510.426.423	43.265.377.301

**20. Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản vay ngân hàng	USD	4%	2017	9.260.160.000	9.060.880.000

Khoản vay ngân hàng của Công ty được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 44.369 triệu VND (1/1/2015: 47.464 triệu VND) (Thuyết minh 11).



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2014</b>	288.126.500.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	310.151.868.629	23.296.125.011	193.941.271.302	842.351.038.472
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	116.343.491.767	116.343.491.767
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	96.376.199.402	4.774.148.000	(101.150.347.402)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.514.637.509)	(16.514.637.509)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(14.323.025.000)	(14.323.025.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.245.000.000)	(1.245.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2014</b>	288.126.500.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	406.528.068.031	28.070.273.011	177.051.753.158	926.611.867.730
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015 - Đã phân loại lại</b>	345.415.410.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	434.598.341.042	-	190.065.625.774	996.914.650.346
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	152.955.198.821	152.955.198.821
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	102.223.212.241	-	(102.223.212.241)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(17.781.991.816)	(17.781.991.816)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	68.745.010.000	-	-	-	-	(85.932.480.500)	(17.187.470.500)
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.251.000.000)	(1.251.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	414.160.420.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	536.821.553.283	-	135.832.140.038	1.113.649.386.851

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	166.600	10.396.631.245	166.600	10.396.631.245
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	41.249.442	403.763.788.755	34.374.941	335.018.778.755

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	34.541.541	345.415.410.000	28.812.650	288.126.500.000
Phát hành cổ phiếu trong kỳ để trả cổ tức (Thuyết minh 23)	6.874.501	68.745.010.000	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>41.416.042</b>	<b>414.160.420.000</b>	<b>28.812.650</b>	<b>288.126.500.000</b>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Cổ tức**

Ngày 23 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2014 với mức 5% mệnh giá cổ phần (500 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 17.187 triệu VND.

Ngày 23 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phần. Ngày 9 tháng 6 năm 2015, Công ty đã phát hành 6.874.501 cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

**24. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.260.944.800	2.205.398.107
Trong vòng hai đến năm năm	13.043.779.200	8.821.592.427
Sau năm năm	31.250.129.050	17.233.583.080
	47.554.853.050	28.260.573.614

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.208.954	26.255.595.378	799.958	17.095.102.460



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	12.969.812.543	13.338.478.024
Doanh thu cung cấp dịch vụ	313.174.436.658	311.098.278.313
	<hr/>	<hr/>
	326.144.249.201	324.436.756.337
	<hr/>	<hr/>

**27. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	9.922.075.604	12.881.439.577
Giá vốn dịch vụ đã cung ứng	183.575.368.238	208.809.849.217
	<hr/>	<hr/>
	193.497.443.842	221.691.288.794
	<hr/>	<hr/>

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.031.605.676	6.054.229.833
Cổ tức và lợi nhuận được chia	52.487.626.096	33.431.233.339
Lãi chênh lệch tỷ giá	312.713.719	100.912.910
	<hr/>	<hr/>
	56.831.945.491	39.586.376.082
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	107.819.265	108.697.221
Lỗi chênh lệch tỷ giá	394.357.671	2.733.613
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	-	(750.000.000)
	<b>502.176.936</b>	<b>(638.569.166)</b>

**30. Chi phí khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý	2.228.008.495	51.390.537

**31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	15.433.490.976	20.907.186.093
Chi phí nhân công	33.066.494.566	24.398.241.853
Chi phí khấu hao	14.957.058.920	18.806.215.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.955.308.621	148.625.809.603
Chi phí khác	21.140.512.465	14.700.014.454

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> Kỳ hiện hành	26.828.960.053	21.220.061.781

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	179.784.158.874	137.563.553.548
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	39.552.514.952	30.263.981.781
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi	(1.208.297.888)	(1.721.069.395)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	32.020.730	32.020.730
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(11.547.277.741)	(7.354.871.335)
	26.828.960.053	21.220.061.781

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động kinh doanh Xí nghiệp Cảng Viconship trong vòng 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2006 đến năm 2015 - đối với cầu cảng số 2) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thông thường.

Mức thuế suất thông thường trong năm 2015 là 22% và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.



**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Công ty con</b>		
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</i></b>		
Bán hàng hóa	7.426.151.613	10.398.870.028
Cung cấp dịch vụ	1.695.535.000	2.962.580.000
Sử dụng dịch vụ	9.264.869.150	23.554.187.882
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	3.964.783.773	3.170.761.508
Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.300.000.000
<b><i>Công ty TNHH Container Miền Trung</i></b>		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	4.827.512.517	2.484.411.853
Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.500.000.000
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	-	775.527.273
Sử dụng dịch vụ	78.560.019	72.600.667
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	451.745.546	426.165.718
Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	500.000.000
Cho vay không lãi	-	1.900.000.000
<b><i>Công ty TNHH Tuyển T.S</i></b>		
Bán hàng hóa	461.468.455	-
Cung cấp dịch vụ	-	786.253.953
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	121.451.085	-
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh</i></b>		
Bán hàng hóa	1.673.231.103	1.908.258.651
Sử dụng dịch vụ	4.809.225.107	5.109.901.920
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	14.581.465.043	8.787.040.759
Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.000.000.000
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh</i></b>		
Bán hàng hóa	1.361.901.608	1.361.669.745
Cung cấp dịch vụ	395.125.145	-
Sử dụng dịch vụ	20.471.034.563	18.013.805.613
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	25.840.668.132	18.444.392.799
Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.300.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP</i></b>		
Cho vay dài hạn	50.000.000.000	-

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên kết</b>		
<i>Công ty TNHH Ngôi sao xanh Tương lai</i>		
Sử dụng dịch vụ	-	779.184.000
<b>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</b>		
Sử dụng dịch vụ	35.110.478.846	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.543.294.991	1.611.065.932
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Thù lao	1.251.000.000	1.245.000.000

**34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	68.745.010.000	-

**35. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

- Ngày 13 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐQT về việc đăng ký bán 166.600 cổ phiếu quỹ nhằm bổ sung vốn kinh doanh năm 2015. Giá bán số cổ phiếu này được xác định theo nguyên tắc giá thị trường nhưng không thấp hơn 49.000 VND/cổ phiếu. Công ty đã bổ nhiệm Công ty TNHH Chứng khoán ACB - Chi nhánh Hải Phòng làm đại lý thực hiện giao dịch.
- Ngày 27 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐQT về việc: (i) tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2015 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu), dự kiến thực hiện trong Quý 3 năm 2015; (ii) thông qua chủ trương đóng cửa Công ty TNHH Tuyến T.S, một công ty con của Công ty (Thuyết minh 6(b)); và (iii) thông qua chủ trương chuyển đổi các công ty con của Công ty thành công ty cổ phần do Công ty nắm giữ số lượng cổ phần chi phối.

**Công ty Cổ phần Container Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại, như sau:

**Bảng cân đối kế toán riêng**

	<b>1/1/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>(phân loại lại)</b>	<b>(theo báo cáo</b>
	<b>VND</b>	<b>trước đây)</b>
		<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	47.685.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	47.685.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	434.598.341.042	406.528.068.031
Quỹ dự phòng tài chính	-	28.070.273.011

Ngày 20 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Thế Trung  
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

